

Bản án số: 06/2019/KDTM - PT

Ngày 26 - 7 - 2019

V/V “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và ông Nguyễn Thái Sơn

Thư ký Tòa án: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên Trung cấp.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại phòng xét xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2019/TLPT/KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2019, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bản án số 01/2019/KDTM –ST ngày 23/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình có kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 711/2019/QĐ-PT ngày 06/5/2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty M - Địa chỉ: Số 22 H, phường L, quận K, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Hữu T – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng D - Địa chỉ: Đường B, phường N, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh S, Chủ tịch Hội đồng thành viên, (theo Hợp đồng ủy quyền số 03/VAMC-OJB ngày 29/11/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng ủy quyền số 03/VAMC-OJB ngày 29/11/2013 số 2992/2016/UQ1 ngày 22/8/2016);

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đàm Thanh T1 - Phó giám đốc phụ trách chi nhánh Đà Nẵng; ông Phạm T2 - Phó giám đốc chi nhánh Đà Nẵng; ông Hà P - Phó giám đốc KHDN chi nhánh Đà Nẵng, đều cùng địa chỉ: đường HN, quận K1, thành phố Đà Nẵng; ông Đỗ Hồng Q - trưởng phòng tố tụng – Khối quản lý nợ có vấn đề (theo các Văn bản ủy quyền số: 320/UQ-OCEANBANK ngày 01/6/2018 và số 327/UQ-OCEANBANK ngày 06/6/2018). Ông P và ông Q có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần G (gọi tắt là Công ty G) - Địa chỉ: K16, xã P2, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn L2, Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc, có mặt;

+ Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Xuân H3, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 85, đường T3, tp H1, tỉnh Quảng Bình và ông Nguyễn Thế T4, sinh 1983; địa chỉ: Số M1, Kiệt GG, đường L2, tp H1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Dương Văn L2 và bà Hoàng Thị N1 (bà N1 chết ngày 28/8/2017, theo trích lục khai tử ngày 26/9/2017 của UBND xã X, huyện L1, tỉnh Quảng Bình); người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N1 là bà Nguyễn Thị N2 (mẹ ruột), cháu Dương Hoàng L3, sinh năm 1997 và Dương Thảo L4 sinh năm 2004 (con đẻ của bà N1) – Cùng có địa chỉ: 15 T4, phường H2, thành phố H1, tỉnh Quảng Bình. Ông L2 có mặt, bà N2, anh Dương Hoàng L3 và cháu Dương Thảo L4 vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Minh T4 - Luật sư, Văn phòng Luật sư H4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: Đ72, phường P1, thành phố H1, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2018 và các bản tự khai, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty cổ phần G vay vốn tại Ngân hàng D - Chi nhánh Đà Nẵng, hiện nay đổi tên là TNHH MTV D - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0047/2007/HĐTD-OJBĐN ngày 25/12/2007 và 08 phụ lục hợp đồng kèm theo, 20 giấy nhận nợ với số tiền vay: 62.020.000.000 đồng (sáu mươi hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 132 tháng, kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên (trong đó: Ân hạn trả nợ gốc lãi 12 tháng); mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản xuất bột G và giấy K Quảng Bình; lãi suất 1,1%/ tháng cố định đến 31/12/2008; áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 12 tháng/1 lần vào ngày 01/01 hằng năm; lãi suất quá hạn: Nếu bên vay chậm trả gốc lãi thì phải trả thêm phí chậm trả bằng số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất vay/360; lãi trả hàng tháng, gốc trả 3 tháng/1 lần. Tổng lãi phát sinh của 20 giấy nhận nợ là: 136.634.242.885 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 61.049.479.757 đồng, lãi quá hạn trả gốc: 39.218.046.250 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 36.366.716.878 đồng. Đã trả: Gốc: 17.350.000.000 đồng, lãi: 31.402.297.907 đồng, phạt chậm trả: 423.825.738 đồng. Còn lại 149.478.119.240 đồng, trong đó: Gốc: 44.670.000.000 đồng, lãi trong hạn: 29.647,181.850 đồng, lãi quá hạn: 39.218.046.250 đồng, lãi phạt: 35.942.891.140 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 0046/2009/HĐTD-OJBĐN ngày 10/4/2009 và 02 phụ lục hợp đồng kèm theo với số tiền duyệt vay 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng), theo 07 giấy nhận nợ với số tiền 9.000.000.000 đồng, thời hạn vay 108 tháng không tính thời gian ân hạn, mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản

xuất bột G và giấy K, lãi suất 1,875 %/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 12 tháng/1 lần hoặc bất thường theo thông báo, lãi quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn. Nếu bên vay chậm trả gốc, lãi thì phải trả thêm phí chậm trả = số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất vay/360. Lãi trả hàng tháng, gốc trả 3 tháng/1 lần chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Tổng lãi phát sinh của 07 giấy nhận nợ nói trên là: 19.798.643.576 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 7.391.497.818 đồng, lãi quá hạn gốc: 6.397.587.319 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 6.009.558.439 đồng. Đã trả: Gốc: 1.774.841.000 đồng, lãi: 2.584.129.606 đồng, lãi phạt: 11.180.073 đồng. Còn lại: 24.428.492.897 đồng, trong đó: Gốc: 7.225.159.000 đồng, lãi trong hạn: 4.807.368.212 đồng, lãi quá hạn: 6.397.587.319 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 5.998.378.366 đồng.

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0070/2011/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 04/4/2011, 01 phụ lục kèm theo và 01 giấy nhận nợ với số tiền vay 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay: Đầu tư dây chuyền thiết bị nấu bột không chất thải, lãi suất 20%/năm, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/1 lần; Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nếu bên vay chậm trả lãi thì phải trả lãi suất phạt bằng 1,5 lần lãi suất vay trong hạn tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán. Lãi trả hàng tháng vào ngày 10, gốc trả theo quý, ngày 10 của tháng cuối của quý. Tổng lãi phát sinh theo giấy nhận nợ là: 14.280.089.398 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 3.969.636.111 đồng, lãi quá hạn gốc: 5.978.500.001 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 4.331.953.286 đồng. Đã trả: Gốc: 550.000.000 đồng, lãi: 881.777.777 đồng, lãi phạt: 16.003.608 đồng. Còn lại: 17.832.308.013 đồng, trong đó: Gốc 4.450.000.000 đồng, lãi trong hạn: 3.087.858.334 đồng, lãi quá hạn: 5.978.500.001 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 4.315.949.678 đồng.

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0215/2011/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 20/12/2011 và 01 giấy nhận nợ với số tiền vay 39.000.000.000 đồng (ba mươi chín tỷ đồng), thời hạn vay 86 tháng, mục đích vay: Cơ cấu tài chính công ty, lãi suất 20%/năm, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/1 lần; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nếu bên vay chậm trả lãi thì phải trả lãi suất phạt bằng 1,5 lần lãi suất vay trong hạn tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán. Lãi trả hàng tháng vào ngày 10, gốc trả theo quý, ngày 10 của tháng cuối của quý. Tổng lãi phát sinh theo giấy nhận nợ là: 123.113.210.905 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 31.261.416.667 đồng, lãi quá hạn gốc: 51.949.416.667 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 39.902.377.571 đồng. Đã trả: Gốc: 0 đồng, lãi: 2.231.038.844 đồng, phạt lãi: 305.262.918 đồng. Còn lại: 159.576.909.143 đồng, trong đó: Gốc: 39.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 29.030.377.823 đồng, lãi quá hạn: 51.949.416.667 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 39.597.114.653 đồng.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0216/2011/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 20/12/2011 và 01 phụ lục hợp đồng với số tiền được duyệt vay 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng), tổng số tiền nhận nợ theo 17 giấy nhận nợ là 21.063.256.500 đồng (hai mươi một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm đồng), với thời hạn vay 01 năm, mục đích vay: Bổ sung

vào vốn kinh doanh, lãi suất 20%/năm, 23%/năm theo từng lần nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/1 lần. Lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi bằng 1,5 lần lãi vay trong hạn tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán. Lãi trả hàng tháng vào ngày 10, gốc trả theo quý, ngày 10 của tháng cuối của quý. Tổng lãi phát sinh theo các giấy nhận nợ là: 50.712.088.296 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 2.284.109.769 đồng, lãi quá hạn gốc: 44.124.039.432 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 4.303.939.095 đồng. Đã trả: Gốc: 1.379.822.927 đồng, lãi: 452.446.011 đồng, lãi phạt: 170.210.305 đồng. Còn lại: 69.772.865.553 đồng, trong đó: Gốc: 19.683.433.573 đồng, lãi trong hạn: 1.831.663.758 đồng, lãi quá hạn: 44.124.039.432 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 4.133.728.790 đồng.

- Hợp đồng cấp bảo lãnh số 06/HĐCBL-OCEANBANK06 ngày 20/10/2009, phụ lục kèm theo và Thư bảo lãnh vay vốn số 06/2009/TBL ngày 20/10/2009 (gọi tắt là: Hợp đồng cấp bảo lãnh) với số tiền bảo lãnh 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng) mà Công ty G vay của Quỹ B Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 11-09/TD-QMT/GQB ngày 30/6/2009, Ngân hàng đứng ra bảo lãnh đã phát hành chứng thư bảo lãnh số 06/2009 ngày 20/10/2009. Thời hạn bảo lãnh 84 tháng, lãi suất nhận nợ bắt buộc 15,75%/năm. Công ty cổ phần G nhận nợ bắt buộc theo 2 giấy nhận nợ bắt buộc với số tiền chưa thanh toán gốc: 1.862.936.000 đồng, lãi quá hạn tính bằng 150% mức lãi suất trong hạn, bằng 1.520.748.422 đồng .

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay và khoản bảo lãnh là:

- Tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay: Toàn bộ giá trị nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K Quảng Bình được hình thành từ vốn vay và vốn tự có gắn liền trên đất ở K16, xã P2, huyện L1, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 719600 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 19/12/2007 đứng tên sở hữu Công ty cổ phần G ; Máy móc và thiết bị: Toàn bộ máy móc thiết bị, xe cơ giới, dây chuyền công nghệ gắn với nhà máy bột giấy và giấy K, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0047/2007/HĐTC-OJBĐN ngày 25/12/2007; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/12/2007 của Trung tâm Đ2 tại thành phố Đà Nẵng;

- Toàn bộ kho hàng hóa của Công ty cổ phần G Bình bao gồm toàn bộ nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho... phục vụ cho sản xuất của nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0215A/2011/HĐTC ngày 20/12/2011;

- Xe ô tô con TOYOTA 08 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73L-7696, màu ghi-hồng theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001365 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18/11/2008 đứng tên chủ sở hữu Công ty cổ phần G, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0216/2011/HDDTC1 ngày 23/12/2011, được công chứng tại Phòng Công chứng số A, tỉnh Quảng Bình ngày 23/12/2011; giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm của Trung tâm Đ2 tại Đà Nẵng ngày 23/12/2011. (Các loại tài sản trên, sau khi Công ty Giấy ngừng hoạt động đã bàn giao cho Oceanbank quản lý kể từ ngày 15/8/2012).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 148665 do UBND thành phố H1, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 21/01/2009, đứng tên sở hữu ông Dương Văn L2 và bà Hoàng Thị N1, theo hợp

đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0215/2011/HĐTC1 ngày 23/12/2011 được công chứng tại Phòng Công chứng số A, tỉnh Quảng Bình, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Văn phòng Đ3 thành phố H1 chứng nhận ngày 23/12/2011.

Tất cả tổng giá trị tài sản bảo đảm: 159.423.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ bắt buộc, Công ty G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết trong các hợp đồng nên đã phát sinh nợ quá hạn từ thời điểm tháng 03/2011. Tháng 12/2011, khách hàng được cơ cấu nợ khoản vay dài hạn đầu tư Nhà máy G nhưng đến tháng 03/2012 khoản vay quá hạn với số tiền gốc vay theo các hợp đồng tín dụng là 115.028.592.573 đồng, tiền gốc theo giấy nhận nợ bắt buộc để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là 1.862.936.000 đồng. Mặc dù Ngân hàng D đã nhiều lần tổ chức làm việc và đốc thúc cũng như tạo cơ hội để Công ty G thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty G vẫn chưa thanh toán được.

Đến ngày 29/11/2013 thì D bán nợ cho Công ty M theo Hợp đồng mua, bán nợ số 03/VAMC-OJB ngày 29/11/2013. Tuy đã bán nợ nhưng D vẫn tiếp tục theo dõi việc trả nợ gốc và lãi, cũng như việc tính lãi quá hạn.

Công ty cổ phần G vi phạm thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh tổng số tiền tính đến ngày xét xử 23/01/2019 là: 424.472.379.268 đồng, trong đó nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng là: 421.088.694.846 đồng, gồm tiền gốc: 115.028.592.573 đồng, lãi trong hạn: 68.404.449.977 đồng, lãi quá hạn: 147.667.589.669 đồng, phạt chậm trả lãi: 89.988.062.627 đồng; nghĩa vụ theo hợp đồng bảo lãnh là: 3.383.684.422 đồng, trong đó tiền gốc: 1.862.936.000 đồng, lãi quá hạn: 1.520.748.422 đồng. Đại diện D là người được ủy quyền yêu cầu Tòa án xử buộc Công ty G phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi trên cho M; xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi vốn vay; tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ bắt buộc cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Phía bị đơn Công ty cổ phần G do ông Dương Văn L2 là người đại diện và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày thống nhất: Ông thừa nhận nội dung trình bày yêu cầu khởi kiện của phía đại diện nguyên đơn là đúng. Để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy bột giấy và giấy K theo giấy phép đầu tư số 2917100021 ngày 03/12/2007, trong quá trình đầu tư, Công ty cổ phần G do ông làm đại diện theo pháp luật, có vay vốn tại Ngân hàng D - Chi nhánh Đà Nẵng 5 hợp đồng tín dụng và một hợp đồng bảo lãnh, có thế chấp tài sản như đại diện nguyên đơn trình bày với tổng số tiền đúng như tính toán của bên đại diện nguyên đơn. Lý do quá hạn tiền vay là Công ty gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh và đã ngừng hoạt động nên không trả được các khoản vay tại Ngân hàng.

Về khoản lãi phía Công ty G chỉ chấp nhận trả lãi theo các hợp đồng đã ký kể từ ngày phát sinh nợ quá hạn đến ngày 15/8/2012 (ngày Công ty G bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp cho D, phía D đã nhận, Công ty G đã ngừng hoạt động từ đó), không tính lãi từ khi Công ty G bàn giao tài sản bảo đảm cho đến nay. Đến ngày 29/11/2013 thì D bán nợ cho Công ty M. Về các tài sản đã thế chấp theo 4

hợp đồng thế chấp, phía đại diện Công ty G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chấp nhận như yêu cầu của nguyên đơn xử lý tài sản bảo đảm, riêng hợp đồng thế chấp số 0215/2011 ngày 23/12/2011 là tài sản nhà và đất ở tại số 15 T4, phường H2, thành phố H1, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO148665, cấp ngày 21/01/2009, diện tích 152m² mang tên Dương Văn L2 và Hoàng Thị N1 và ngôi nhà 3 tầng, đây là nơi ở duy nhất của ông Dương Văn L2 và các con nên đề nghị D và Tòa án xem xét xử lý sau các tài sản thế chấp khác.

Đại diện nguyên đơn không chấp nhận như yêu cầu của đại diện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 15/8/2012 cho đến nay vì việc bàn giao tài sản bảo đảm để tránh thất thoát khi Công ty G đã ngừng hoạt động. Còn việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của bên thứ ba sau khi xử lý các tài sản bảo đảm khác thì thực hiện theo nội dung của Hợp đồng tín dụng số 0070/2011/HĐTD1 ngày 04/4/2011, phụ lục hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp số 0215/2011/HDDTC1-Oceanbank06 ngày 23/12/2011.

Tại bản án số 01/2019/KDTM –ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản 1, 2 Điều 3, Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 361, 471, 474, 476, 715 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 166, 167, 170, 175 của Luật đất đai, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D, buộc Công ty cổ phần G phải có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền 331.100.632.219 đồng, trong đó, tiền gốc: 115.028.592.573 đồng, lãi trong hạn: 68.404.449.977 đồng, lãi quá hạn: 147.667.589.669 đồng; nghĩa vụ theo hợp đồng bảo lãnh là: 3.383.684.422 đồng, trong đó tiền gốc: 1.862.936.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.520.748.422 đồng.

Tổng toàn bộ tính đến ngày xét xử (23/01/2019) là: 334.484.316.641 đồng.

Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty M về buộc Công ty G phải trả cho Công ty M khoản nợ lãi phạt chậm trả lãi của các hợp đồng tín dụng với số tiền là: 89.988.062.627 đồng.

Về tài sản thế chấp:

- Toàn bộ giá trị Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K được hình thành từ vốn vay và vốn tự có gắn liền trên đất tại K16, xã P2, huyện L1, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 719600 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 19/12/2007 đứng tên sở hữu Công ty G (đất thuê không thế chấp); Toàn bộ máy móc thiết bị, xe cơ giới, dây chuyền công nghệ gắn với nhà máy bột giấy và giấy K, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0047/2007/HĐTC-OJBĐN ngày 25/12/2007; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/12/2007 của Trung tâm Đ2 tại

thành phố Đà Nẵng;

- Toàn bộ kho hàng hóa của Công ty cổ phần G bao gồm toàn bộ nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho... phục vụ cho sản xuất của nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0215A/2011/HĐTC ngày 20/12/2011.

Các tài sản trên theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2017: Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K đã ngừng hoạt động; các hạng mục công trình xây dựng nhà máy sản xuất bột giấy và máy móc thiết bị bên trong, xe tải, xe chuyên dụng đều trong tình trạng hoen rỉ, hư hỏng, đối với phần máy móc, thiết bị bên trong, hệ thống điện, vật tư đã hư hỏng, rỉ sét, tất cả đều có tại Nhà máy sản xuất bột G K16, xã P2, huyện L1, tỉnh Quảng Bình.

- Xe ô tô con TOYOTA 08 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73L-7696, màu ghi-hồng theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001365 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18/11/2008 đứng tên chủ sở hữu Công ty cổ phần G, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0216/2011/HDDTC1 ngày 23/12/2011, được công chứng tại Phòng Công chứng số A, tỉnh Quảng Bình ngày 23/12/2011; giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm của Trung tâm Đ2 tại Đà Nẵng ngày 23/12/2011. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, kết quả: Hiện tại xe ô tô con TOYOTA hoạt động tốt, hơi đóng bụi do lâu ngày không sử dụng, do D đang quản lý, lưu giữ tại địa chỉ 79D, phường H5, quận H6, thành phố Đà Nẵng.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 148665 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 21/01/2009, thửa số 70, tờ bản đồ số 15, diện tích 152m² đứng tên sở hữu ông Dương Văn L1 và bà Hoàng Thị N1, theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0215/2011/HĐTC1 ngày 23/12/2011 được công chứng tại Phòng Công chứng số A, tỉnh Quảng Bình, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H1 chứng nhận ngày 23/12/2011, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và Công văn trả lời xác minh của UBND phường H2, thành phố H1, thì thửa đất hiện nay có số 82, tờ bản đồ số 18, diện tích 184,3m² tại phường H2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình.

(Các loại tài sản trên, sau khi Công ty G ngừng hoạt động đã bàn giao cho D quản lý kể từ ngày 15/8/2012, riêng nhà và đất tại phường H2, thành phố H1, tỉnh Quảng Bình chủ sở hữu ông Dương Văn L2 đang quản lý, sử dụng).

Toàn bộ tài sản trên là tài sản để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của Công ty cổ phần G. D có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2019) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất (lãi quá hạn 150% lãi trong hạn) đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên việc thi hành án theo Luật thi hành án, tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/02/2019, bị đơn Công ty cổ phần G – do ông Dương Văn L2 là người đại diện có kháng cáo và ngày 18/02/2019 có thông báo về việc điều chỉnh bổ sung đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy với các lý do: Theo yêu cầu của D thì toàn bộ tài sản của Nhà máy Giấy thuộc Công ty CP G đã được bàn giao cho Ngân hàng D vào ngày 15/8/2012, theo đó Công ty G đã ngừng hoạt động. Ngày 29/11/2013 Ngân hàng D đã bán toàn bộ các khoản nợ vay, lãi của Công ty CP G cho Công ty M với giá 40.452.920.000đ; số tiền đã phát hành trái phiếu chính phủ đã thu về ngân sách cổ phần thương mại đại dương ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng. Căn cứ Hợp đồng 03/VAMC-OJB ngày 29/01/2019 về việc mua bán nợ xấu ngân hàng giữa khoản nợ Công ty cổ phần G vay vốn Ngân hàng D và Công ty M; Hợp đồng uỷ quyền số 03/VAMC-OJB ngày 29/11/2019 về việc uỷ quyền lại Ngân hàng D thu hồi nợ...; căn cứ Nghị định 53/2013/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản...; Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mua bán xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng. Công ty cổ phần G đã đề nghị Toà án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và việc tính lãi hoàn toàn không có căn cứ khi Ngân hàng TMCP Đại Dương đã nhận và quản lý toàn bộ tài sản Nhà máy Giấy từ ngày 15/8/2012. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty CP G phải có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền 300.000.000.000đ bao gồm nợ gốc, lãi quá hạn, lãi phạt... là điều vô lý. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung thêm ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng để giải quyết theo thủ tục kinh doanh thương mại là không đúng mà thực chất là tranh chấp dân sự, do nguyên đơn Công ty M đã mua lại khoản nợ trên và Công ty này hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; Án sơ thẩm không đưa Ngân hàng D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót vì mặc dù đã bán nợ cho Công ty M nhưng Ngân hàng D vẫn theo dõi, đơn đốc việc xử lý nợ và quản lý tài sản bảo đảm. Từ những sai sót này bị đơn đề nghị hủy án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Xét đơn kháng cáo của Công ty G làm đơn thời hạn luật định, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử sửa án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M, buộc Công ty cổ phần Giấy Quảng Bình phải có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền 331.100.632.219 đồng, trong đó, tiền gốc: 115.028.592.573 đồng, lãi trong hạn: 68.404.449.977 đồng, lãi quá hạn: 147.667.589.669 đồng; nghĩa vụ theo hợp đồng bảo lãnh là: 3.383.684.422 đồng,

trong đó tiền gốc: 1.862.936.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.520.748.422 đồng. Tổng toàn bộ tính đến ngày 23/01/2019 là: 334.484.316.641 đồng. Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2019) bên phải thi hành án tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho bên được thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty M về buộc Công ty cổ phần G phải trả cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam khoản nợ lãi phạt chậm trả lãi của các hợp đồng tín dụng với số tiền là: 89.988.062.627 đồng.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty G; Giữ nguyên các quyết định khác của án sơ thẩm; Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty G phải chịu án phí KDTM phúc thẩm;

Về vi phạm thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành văn bản kiến nghị yêu cầu chấn chỉnh khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị đơn Công ty G không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành thẩm định đối với tài sản thế chấp của Công ty G là xe ô tô con TOYOTA có địa chỉ tại số 79D, phường H5, quận H6, thành phố Đà Nẵng do D đang quản lý; uỷ thác điều tra thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy để thẩm định đối với tài sản thế chấp để vay vốn của Công ty G bao gồm toàn bộ Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K tại K16, xã P2, huyện L2, tỉnh Quảng Bình và toàn bộ kho hàng hóa của công ty bao gồm toàn bộ nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho phục vụ cho sản xuất của Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K; uỷ thác cho Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để thẩm định tài sản tại hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 0215/2011/HĐTC1-OCEANBANK06 ngày 23/12/2011, gồm thửa đất số 70, tờ bản đồ số 15, diện tích 152m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 148665 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 21/01/2009, địa chỉ thửa đất phường H2, thành phố H1, tỉnh Quảng Bình mang tên Dương Văn L2 và Hoàng Thị N1 và tài sản gắn liền trên đất. Các hoạt động này của Tòa án là quá trình thu thập chứng cứ được quy định tại Điều 94 BLTTDS. Mặt khác, đối với đối tượng tranh chấp trong vụ án là tài sản công. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS thì vụ án thuộc trường hợp phải có đại diện của Viện kiểm sát cùng cấp tham gia khi xét xử vụ án. Tại bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM –ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình không thể hiện có đại diện Viện kiểm

sát tham gia, đây là thiếu sót về tố tụng. Sau khi xét xử sơ thẩm Viện kiểm sát không kháng nghị về vấn đề này. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ý kiến đại diện Viện kiểm sát cho rằng mặc dù tại cấp sơ thẩm Viện kiểm sát không tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm, nhưng qua quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật việc giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, xét thấy quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc uỷ thác điều tra thu thập chứng cứ được Toà án thực hiện đúng theo quy định cũng như các quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng không bị ảnh hưởng. Ngày 26/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có Kiến nghị số: 1007/VKS-P10 kiến nghị khắc phục vi phạm đối với Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy. Do đó, thiếu sót này cần rút kinh nghiệm trong công tác xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xét xử để xem xét đơn kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Công ty M là Doanh nghiệp đặc thù do Nhà nước thành lập (100% vốn Nhà nước), hoạt động của Công ty là mua bán nợ xấu của các tổ chức tín dụng; Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm; Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay; Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty M thu nợ; Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay; Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản; Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần; Tổ chức bán đấu giá tài sản; Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của TCTD; Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty M sau khi được Thống đốc NHNN cho phép. Công ty M có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ và điều lệ của Công ty M. Trong Hợp đồng mua bán nợ giữa Công ty M với Ngân hàng D đối với khoản nợ của Công ty G thì chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bên bán cho bên mua. Theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bên mua khoản nợ xấu, khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng... thì kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bên bán theo quy định tại khoản 4 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó việc Công ty M khởi kiện đòi nợ của Công ty G theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng D là tranh chấp về kinh doanh thương mại, ý kiến của phía bị đơn đưa ra không đúng nên không chấp nhận. Việc cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án nên không chấp nhận ý kiến của phía bị đơn.

[1.2] Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần G làm trong thời hạn kháng cáo, đảm bảo về nội dung, hình thức theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần G, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty M và người đại diện của bị đơn Công ty G đều thừa nhận từ năm 2007 đến năm 2011, Công ty cổ phần G đã ký 5 hợp đồng tín dụng và hai giấy nhận nợ bắt buộc theo hợp đồng cấp bảo lãnh với tổng dư nợ gốc là: 116.891.528.573 và tài sản đảm bảo cho các khoản vay là tài sản của Công ty G và quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 148665 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 21/01/2009, đứng tên sở hữu ông Dương Văn L2 và bà Hoàng Thị N1. Đồng thời, ông Dương Văn L2 còn thừa nhận trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ bắt buộc, Công ty G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết trong các Hợp đồng với D nên đã phát sinh nợ quá hạn từ thời điểm tháng 03/2011.

Các bên không tranh chấp về nội dung của các Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ các Hợp đồng tín dụng và hai giấy nhận nợ bắt buộc theo hợp đồng cấp bảo lãnh và các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa Ngân hàng D và Công ty G và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án là có cơ sở.

Kháng cáo của bị đơn Công ty G không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm vì cho rằng toàn bộ tài sản của Nhà máy Giấy thuộc Công ty G đã được bàn giao cho Ngân hàng D ngày 15/8/2012, Công ty G đã ngừng hoạt động. Ngày 29/11/2013, Ngân hàng D đã bán toàn bộ các khoản nợ vay, lãi của Công ty G cho Công ty M với giá 40.452.920.000đ, số tiền đã phát hành trái phiếu chính phủ đã thu về ngân sách Ngân hàng D ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng, các tài sản của Công ty G thì Ngân hàng D đã nhận và quản lý nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi đối với số nợ đó là vô lý; theo khoản 1 Hợp đồng uỷ quyền theo chỉ được phép thu hồi lại nợ hoặc đảm bảo tài sản cho phía M. Hội đồng xét xử thấy rằng, các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh và các giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết đều có nội dung bên vay (bên B - Công ty G) sử dụng vốn vay đúng mục đích, cam kết trả nợ gốc và lãi đúng hạn, thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, cùng với đó chấp nhận việc bên A (Ngân hàng D) chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ ba thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của bên A theo quy định trong Hợp đồng. Do đó, việc D đã bán toàn bộ các khoản nợ vay, lãi của Công ty G cho Công ty M theo Hợp đồng mua bán nợ số 03/VAMC-OJB ngày 29/11/2013 và việc VAMC uỷ quyền cho D thu hồi nợ đối với Công ty G trong đó có việc khởi kiện là thực hiện theo đúng các cam kết đã được ghi nhận trong các Hợp đồng và các quy định hiện hành về việc mua bán và xử lý nợ xấu như Nghị định 53/2013/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mua bán xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng. Đồng thời, việc mua bán và xử lý nợ xấu cũng căn cứ trên các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp bảo lãnh. Căn cứ quy định của Nghị định 53/2013/NĐ-CP của Chính phủ thì hoạt động của Công ty Quản lý tài sản là thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý,

bán nợ, tài sản bảo đảm...; được quyền khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm ra Tòa án; đồng thời được ủy quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện các hoạt động nhằm thu hồi nợ và các biện pháp xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của Công ty Quản lý tài sản. Do đó, việc Công ty M ủy quyền cho D khởi kiện để thu hồi nợ và xử lý các tài sản thế chấp là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Việc Công ty G không đồng ý với việc tính lãi suất, số tiền nợ kể từ khi chuyển giao tài sản. Tuy nhiên, theo Hợp đồng mua, bán nợ số 03/VAMC-OJB ngày 29/11/2013 thì M được quyền thu hồi, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản đảm bảo của Công ty CP G và Công ty CP G không thuộc đối tượng được cơ cấu, miễn, giảm lãi, phí và lãi vay đã quá hạn thanh toán như kháng cáo của Công ty CP G. Mặt khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định số nợ gốc, nợ lãi của các Hợp đồng đã phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của Công ty G không căn cứ để chấp nhận mà cần giữ y án sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, việc Tòa án sơ thẩm tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng D là chưa chính xác. Bởi lẽ Ngân hàng D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty M mà không phải là nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần sửa để tuyên lại cho chính xác.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của Công ty C không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty C, giữ y án sơ thẩm:

1. Căn cứ Điều 12 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản 1, 2 Điều 3, Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 361, 471, 474, 476, 715 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 166, 167, 170, 175 của Luật đất đai, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M, buộc Công ty G phải có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền 331.100.632.219 đồng, trong đó, tiền gốc: 115.028.592.573 đồng, lãi trong hạn: 68.404.449.977 đồng, lãi quá hạn: 147.667.589.669 đồng. Phải trả số tiền theo hợp đồng bảo lãnh là: 3.383.684.422 đồng, trong đó tiền gốc: 1.862.936.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.520.748.422 đồng. Tổng toàn bộ số tiền phải trả tính đến ngày xét xử (23/01/2019) là: 334.484.316.641 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty M về việc buộc Công ty cổ phần G phải trả cho Công ty M khoản nợ lãi phạt chậm trả lãi của các hợp đồng tín dụng với số tiền là: 89.988.062.627 đồng.

* Về xử lý tài sản thế chấp:

- Toàn bộ giá trị Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K được hình thành từ vốn vay và vốn tự có gắn liền trên đất tại K16, xã P2, huyện L1, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 719600 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 19/12/2007 đứng tên sở hữu Công ty G (đất thuê không thế chấp); Toàn bộ máy móc thiết bị, xe cơ giới, dây chuyền công nghệ gắn với nhà máy bột giấy và giấy K, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0047/2007/HĐTC-OJBĐN ngày 25/12/2007; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/12/2007 của Trung tâm Đ2 tại thành phố Đà Nẵng;

- Toàn bộ kho hàng hóa của Công ty G bao gồm toàn bộ nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho... phục vụ cho sản xuất của nhà máy sản xuất bột giấy và giấy K, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0215A/2011/HĐTC ngày 20/12/2011.

Tất cả đều có tại Nhà máy sản xuất bột Giấy K16, xã P2, huyện L1, tỉnh Quảng Bình.

- Xe ô tô con TOYOTA 08 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73L-7696, màu ghi-hồng theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001365 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18/11/2008 đứng tên chủ sở hữu Công ty G, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0216/2011/HDDTC1 ngày 23/12/2011, được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 23/12/2011; giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm của Trung tâm Đ2 tại Đà Nẵng ngày 23/12/2011. (Hiện nay Ngân hàng D đang quản lý, lưu giữ tại địa chỉ 79D, phường H5, quận H6, thành phố Đà Nẵng).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 148665 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 21/01/2009, thửa số 70, tờ bản đồ số 15, diện tích 152m² đứng tên sở hữu ông Dương Văn L2 và bà Hoàng Thị N1, theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0215/2011/HĐTC1 ngày 23/12/2011 được công chứng tại Phòng Công chứng số A, tỉnh Quảng Bình, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đồng Hới chứng nhận ngày 23/12/2011, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và Công văn trả lời xác minh của UBND phường H2, thành phố H1, thì thửa đất hiện nay có số 82, tờ bản đồ số 18, diện tích 184,3m² tại phường H2, thành phố H1, tỉnh Quảng Bình. (Hiện ông Dương Văn L2 đang quản lý, sử dụng).

Toàn bộ các tài sản trên là tài sản để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của Công ty G đối với các khoản nợ nêu ở trên mà Công ty G phải có nghĩa vụ trả cho Công ty D. Bên được thi hành án có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2019) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Kháng cáo của của Công ty G không được chấp nhận nên phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

phúc thẩm 2.000.000đ tại biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001962 ngày 26/02/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- TAND Lệ Thủy;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu